|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT KON TUM**TRƯỜNG THPT DUY TÂN**ĐỀ CHÍNH THỨC*(Đề kiểm tra có 4 trang)* | **KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I, NĂM 2024-2025****Môn: GDKT & PL, Lớp: 11***Thời gian làm bài:45 phút, không kể thời gian phát đề* |

*Họ, tên học sinh:…………………………………*

**Mã đề: 111**

*Số báo danh:………………..…….………………*

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24 Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lợi thế nội tại giúp hình thành ý tưởng kinh doanh?

 **A.** Lợi thế về nguồn cung ứng sản phẩm.

 **B.** Nhu cầu sản phẩm trên thị trường.

 **C.** Chính sách vĩ mô của nhà nước.

 **D.** Đam mê, hiểu biết của chủ thể kinh doanh.

**Câu 2.** Cung là lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường với mức giá được xác định trong khoảng thời gian nhất định được gọi là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** sản xuất |  **B.** độc quyền. |  **C.** cầu. |  **D.** cung |

**Câu 3.** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi cung nhỏ hơn cầu, giá cả tăng, các doanh nghiệp thường

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** đồng loạt tuyển dụng công nhân. |  **B.** đồng loạt tăng giá sản phẩm. |
|  **C.** mở rộng quy mô sản xuất. |  **D.** thu hẹp quy mô sản xuất. |

**Câu 4.** Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Cơ hội kinh doanh. |  **B.** Ý tưởng kinh doanh. |
|  **C.** lợi thế nội tại. |  **D.** Cơ hội bên ngoài. |

**Câu 5.** Nơi diễn ra sự thỏa thuận, xác lập hợp đồng làm việc giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc được gọi là

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** thị trường lao động. |  **B.** trung tâm môi giới việc làm. |
|  **C.** trung tâm giới thiệu việc làm. |  **D.** thị trường việc làm. |

**Câu 6.** Những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận) được gọi là

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Cơ hội kinh doanh. |  **B.** Năng lực quản trị. |
|  **C.** Ý tưởng kinh doanh. |  **D.** Lực lượng lao động. |

**Câu 7.** Sự tăng mức giá chung các hàng hóa, dịch vụ của nền kinh tế (thường tính bằng chỉ số giá tiêu dùng CPI) một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** lạm phát. |  **B.** suy thoái. |  **C.** khủng hoảng. |  **D.** tăng trưởng. |

**Câu 8.** Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất, tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đathể hiện nội dung của khái niệm nào dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Đấu tranh. |  **B.** Kinh doanh. |
|  **C.** Cạnh tranh kinh tế. |  **D.** Sản xuất. |

**Câu 9.** Đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

***Trường hợp.*** Biết tin công ty đối thủ đang gây ra tai tiếng vì chất lượng sản phẩm không đảm bảo, chị M tận dụng cơ hội để mở rộng thị phần.

**Câu hỏi:**Theo em, việc làm trên thể hiện năng lực gì của chị M?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Năng lực thiết lập quan hệ. |  **B.** Năng lực nắm bắt cơ hội. |
|  **C.** Năng lực giao tiếp, hợp tác. |  **D.** Năng lực tổ chức, lãnh đạo. |

**Câu 10.** Nhận định nào dưới đây là **sai** khi nói về một ý tưởng kinh doanh tốt?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Có tính mới mẻ, độc đáo. |  **B.** Có lợi thế cạnh tranh. |
|  **C.** Có tính vượt trội. |  **D.** Không có tính khả thi. |

**Câu 11.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống (….) trong khái niệm sau đây: “….. là hoạt động lao động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm”.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Lao động. |  **B.** Việc làm. |  **C.** Khởi nghiệp. |  **D.** Làm việc. |

**Câu 12:** Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong

**A.** kinh doanh. **B.** công tác. **C.** học tập D. xã hội..

**Câu 13.** Chủ thể nào dưới đây có hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh?

 **A.** Chị T nhập hoa quả từ Trung Quốc về bán nhưng quảng cáo là hàng nhập khẩu từ Mĩ.

 **B.** Khi phát hiện hàng hóa bị lỗi, doanh nghiệp K chủ động tiến hành thu hồi sản phẩm.

 **C.** Doanh nghiệp P đóng bảo hiểm đầy đủ cho nhân viên theo đúng quy định pháp luật.

 **D.** Cửa hàng X thường xuyên lấy ý kiến của khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ.

**Câu 14.** Đạo đức kinh doanh được hiểu là

 **A.** yêu cầu cần có về kiến thức – kĩ năng – thái độ và năng lực của mỗi công dân trong xã hội.

 **B.** những chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh.

 **C.** trách nhiệm của công dân đối với sự phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước.

 **D.** tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức mà bất kì cá nhân nào trong xã hội cũng có.

**Câu 15.** Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ như thế nào?

 **A.** Tồn tại độc lập, không có mối liên hệ gì.

 **B.** Tác động qua lại chặt chẽ với nhau.

 **C.** Tác động một chiều từ phía thị trường việc làm.

 **D.** Tác động một chiều từ phía thị trường lao động.

**Câu 16.** Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất với người lao động là

 **A.** đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.

 **B.** vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.

 **C.** tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

 **D.** không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

**Câu 17.** Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

 **A.** Phân biệt đối xử giữa lao động nam và lao động nữ.

 **B.** Trốn tránh việc thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

hiện hàng hóa bị lỗi, doanh nghiệp K chủ động tiến hành thu hồi sản phẩm.

 **C.** Sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng.

 **D.** Thực hiện đúng nghĩa vụ và cam kết với khách hàng.

**Câu 18.** Khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến tới tình trạng nào?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Gia tăng tình trạng thất nghiệp. |  **B.** Thiếu hụt lực lượng lao động. |
|  **C.** Cả hai phương án A, B đều sai. |  **D.** Cả hai phương án A, B đều đúng. |

**Câu 19.** Có bao nhiêu loại lạm phát? Đó là những loại nào?

 **A.** Có 3 loại : lạm phát vừa phải, lạm phát phi mã, siêu lạm phát

 **B.** Có 2 loại : lạm phát nhẹ và siêu lạm phát

 **C.** Có 3 loại : lạm phát nhẹ, lạm phát vừa, siêu lạm phát

 **D.** Có 2 loại : lạm phát vừa phải, siêu lạm phát

**Câu 20.** Nội dung nào sau đây **không**phải là biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất với khách hàng?

 **A.** Không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

 **B.** Trung thực, trách nhiệm trong kinh doanh.

 **C.** Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.

 **D.** Giữ chữ tín, thực hiện đúng nghĩa vụ và cam kết.

**Câu 21:** Việc giải quyết tốt quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động sẽ góp phần

 **A.** giảm số lượng việc làm, gia tăng thất nghiệp

 **B.** gia tăng sô lượng việc làm, giảm thất nghiệp

 **C**. gia tăng số lượng việc làm, gia tăng thấp nghiệp

 **D.** giảm số lượng việc làm, giảm thất nghiệp

**Câu 22.** Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** chính sách hậu kiểm. |  **B.** quan hệ gia đình. |
|  **C.** chính sách đối ngoại. |  **D.** điều kiện sản xuất. |

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24**

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, lạm phát ở Việt Nam được kiểm soát ở mức thấp là 1,84%. Trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước.

**Câu 23.** Chỉ số 1,84% phản ánh điều gì?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Lạm phát. |  **B.** Phần trăm tăng thêm. |
|  **C.** Mức độ lạm phát. |  **D.** Chỉ số tiêu dùng. |

**Câu 24.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho lạm phát toàn cầu tăng là

 **A.** giá cước vận chuyển tăng.

 **B.** giá nguyên liệu tăng.

 **C.** tăng theo áp lực của toàn cầu.

 **D.** giá nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất tăng.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4 Trong mỗi ý **a)**, **b)**, **c)**, **d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

Chị M luôn chủ động trong việc lập kế hoạch chi tiêu, tiếp cận kỹ lưỡng thông tin về sản phẩm, lựa chọn hàng hóa phù hợp với gia đình và luôn chọn hàng hóa do Việt Nam sản xuất. Chồng chị M là anh A luôn chê chị là người chi tiêu quá chi ly trong khi gia đình mình thuộc diện khá giả. Anh A thì thích mua hàng ngoại nhập vì nghĩ rằng hàng hóa ngoại nhập vừa chất lượng vừa phù hợp với điều kiện gia đình, anh đã mua sắm tùy tiện nhiều đồ đạc trong gia đình đều là đồ ngoại nhập khiến chị M cảm thấy rất không hài lòng. Siêu thị B tổ chức hội chợ Hàng việt nam chất lượng cao, giới thiệu rất nhiều mặt hàng chất lượng tốt do Việt Nam sản xuất. Chị M cùng chồng tham gia hội chợ, tham quan các gian hàng chất lượng cao, sử dụng thử sản phẩm, anh A bỗng cảm thấy bản thân cũng thích những sản phẩm này, vừa đẹp, vừa chất lượng, vừa có giá cả phải chăng nên anh đã cùng vợ mua sắm khá nhiều.

 **a)** Văn hóa tiêu dùng của chị m góp phần bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

 **b)** Văn hóa tiêu dùng có thể làm thay đổi phong cách tiêu dùng của người dân.

 **c)** Chị m là người tiêu dùng thông minh.

 **d)** Anh a là người tiêu dùng có trách nhiệm.

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

M là một người yêu thích ẩm thực và quan tâm đến sức khỏe. M nhận thấy nhu cầu của người tiêu dùng đang tăng lên đối với các sản phẩm rau sạch, nhưng còn thiếu các nguồn cung ứng đáng tin cậy và chất lượng. Với những kiến thức mà anh tích lũy được trong quá trình học Đại học và tình yêu đối với nông nghiệp cùng với khát vọng mang đến cho mọi người những sản phẩm tươi ngon và an toàn, M đã nảy ra ý tưởng xây dựng một doanh nghiệp kinh doanh rau sạch. M quyết định khởi động một trang trại hữu cơ nhỏ với mục tiêu cung cấp rau sạch chất lượng cao cho cộng đồng.

 **a)** Cơ hội bên ngoài lànhu cầu người tiêu dùng tăng lên đối với các sản phẩm rau sạch.

 **b)** Ý tưởng kinh doanh giúp m xác định mình sẽ kinh doanh cái gì.

 **c)** Năng lực kinh doanh được đề cập đến trong trường hợp trên là năng lực lãnh đạo.

 **d)** Lợi thế nội tại chính là sở thích ẩm thực của m.

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin sau:

Tết Nguyên Đán của Việt Nam được ví như ngày hội mua sắm của người Việt. Hòa chung không khí hân hoan chào đón xuân mới, chị A cùng mẹ đi siêu thị để mua sắm. Ngoài một số mặt hàng nhu yếu phẩm cần thiết trong dịp Tết như lương thực, thực phẩm, bánh mứt kẹo, đồ trang trí... chị A đã mua rất nhiều đồ thời trang và trang sức quý giá cho bản thân. Mặc dù được mẹ nhắc nhở nhưng sẵn thẻ ngân hàng chị A đã quẹt liên tiếp cho đến khi tài khoản đã chuyển sang mục vay nợ. Mẹ chị A rất không hài lòng, tuy nhiên vẫn để con tự quyết vì nghĩ đó là tiền của con.

 **a)** Trong ngày tết cổ truyền, việc người việt nam đều chuẩn bị bánh chưng, bánh dày là biểu hiện của hủ tục.

 **b)** Việc mua sắm hàng hóa là điều bắt buộc trong dịp tết của người việt.

 **c)** Việc tiêu dùng quá mức so với thu nhập là một biểu hiện của sự lãng phí.

 **d)** Người việt nam sử dụng hàng việt nam là yêu nước và có lòng tự tôn dân tộc.

**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin sau:

Là công ty sản xuất bao bì cung ứng cho các bên liên quan trên thị trường, công ty T luôn chú trọng tạo ra các sản phẩm với chất lượng tốt và thân thiện với môi trường nên được khách hàng tin tưởng đón nhận. Qua nhiều năm công ty vẫn luôn cố gắng mang tới các sản phẩm có chất lượng cao với giá cả phải chăng.

 **a)** Công ty t đã dùng đạo đức kinh doanh để tạo dựng được niềm tin với khách hàng, có khách hàng tin tưởng thì việc kinh doanh của công ty sẽ không lo bị thua lỗ.

 **b)** Công ty chắc chắn sẽ bị thua lỗ.

 **c)** Việc kinh doanh của công ty T có thể bị rơi vào tình trạng thua lỗ nếu tiếp tục thực hiện các đãi ngộ với khách hàng.

 **d)** Công ty sẽ không lo bị thua lỗ nếu việc kinh doanh vẫn được thực hiện đều.

--- HẾT ---